

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Mục tiêu giáo dục phổ thông

Thực hiện quan điểm giáo dục phổ thông ở Nhật Bản nhằm mục đích hoàn thiện nhân cách, nuôi dưỡng tâm hồn và sức khoẻ của con người với những phẩm chất quan trọng với tư cách là người xây dựng quốc gia và xã hội hoà bình, dân chủ (Luật Giáo dục cơ bản sửa đổi 2008).

Giáo dục phải nhằm hoàn thiện nhân cách con người và giáo dục nên quốc dân khoẻ mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần đồng thời có đầy đủ phẩm chất cần thiết với tư cách là người làm chủ xã hội - quốc gia hoà bình và dân chủ.

Để thực hiện hoá mục đích trên, Chương trình giáo dục phổ thông vừa tôn trọng quyền tự do học thuật vừa nhằm đạt được các mục tiêu về trang bị các kiến thức, văn hoá rộng, nuôi dưỡng thái độ tìm kiếm chân lí, nuôi dưỡng tình cảm phong phú và ý thức đạo đức, nuôi dưỡng cơ thể khoẻ mạnh; tôn trọng giá trị của mỗi cá nhân, tăng cường năng lực cá nhân, trau dồi tính sáng tạo, nuôi dưỡng tinh thần tự chủ, tự trị, trọng dụng các mối quan hệ trong công việc và cuộc sống, nuôi dưỡng thái độ quý trọng sức lao động; tôn trọng chính nghĩa và trách nhiệm, bình đẳng nam nữ, quý trọng bản thân và hợp tác với người khác, dựa trên tinh thần công khai, chủ động tham gia vào sự hình thành xã hội tự chủ, nuôi dưỡng thái độ đóng góp vào sự phát triển đó; nuôi dưỡng tinh thần tôn trọng sự sống, trân trọng tự nhiên, nuôi dưỡng thái độ tích cực tham gia bảo vệ môi trường và tôn trọng các truyền thống và văn hoá, tình yêu với đất nước và địa phương mình, tôn trọng các quốc gia khác, có thái độ tham gia tích cực vào việc phát triển hoà bình của xã hội quốc tế.

Đối với cấp Tiểu học Luật Giáo dục nhà trường sửa đổi năm 2007 quy định việc thực hiện giáo dục bắt buộc, nhằm phát triển toàn diện thể chất, tinh thần cho học sinh trên cơ sở những trải nghiệm về cuộc sống xã hội trong và ngoài nhà trường, nuôi dưỡng hiểu biết đúng đắn về mối quan hệ tương tác giữa con người với nhau, nuôi dưỡng sự hợp tác, tinh thần tự chủ, tự trị. Học sinh được giáo dục để hình thành hiểu biết đúng đắn về tình trạng hiện nay và truyền thống của địa phương mình, của quốc gia, từ đó nuôi dưỡng tinh thần hợp tác quốc tế. Bên cạnh việc giáo dục thể chất, tinh thần học sinh cũng cần được trau dồi những kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến may mặc (quần áo), thực phẩm, nhà ở, công nghiệp... cần thiết cho cuộc sống hằng ngày; phát triển năng lực hiểu và sử dụng chính xác ngôn ngữ, các quan hệ số cần thiết trong cuộc

sống hằng ngày; phát triển năng lực quan sát, xử lí một cách khoa học các hiện tượng tự nhiên, nuôi dưỡng những thói quen cần thiết để có cuộc sống hạnh phúc nhờ khoẻ mạnh, an toàn, phát triển hài hoà thân thể, đồng thời nuôi dưỡng hiểu biết và kĩ năng cơ bản về âm nhạc, mỹ thuật, văn học... làm cuộc sống tươi sáng và phong phú.

Đối với học sinh cấp trung học cơ sở Luật Giáo dục nhà trường sửa đổi, 2009 quy định rõ mục tiêu tiếp tục thực hiện giáo dục bắt buộc tương ứng với sự phát triển thể chất và tinh thần của mỗi cá nhân, trên nền tảng của giáo dục Tiểu học. Cụ thể như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện và phát triển các mục tiêu giáo dục Tiểu học, nuôi dưỡng những tính cách quan trọng của người xây dựng và phát triển quốc gia, xã hội.

- Trang bị những kiến thức, kĩ năng cơ bản về nghề nghiệp cần thiết trong xã hội, nuôi dưỡng thái độ trọng dụng lao động, các năng lực lựa chọn con đường phát triển trong tương lai phù hợp với từng cá nhân.

- Tăng cường các hoạt động xã hội, từ đó định hướng tình cảm đúng đắn, hướng tới công bằng, dân chủ.

Đối với cấp Trung học phổ thông Luật Giáo dục nhà trường sửa đổi năm 2009 quy định nhiệm vụ giúp học sinh tiếp tục phát triển, mở rộng thành quả giáo dục bắt buộc, nuôi dưỡng cơ thể khoẻ mạnh về thể chất, giàu tính nhân văn, tính sáng tạo, nuôi dưỡng các phẩm chất cần thiết của người xây dựng và phát triển quốc gia, xã hội.

- Trên cơ sở tự giác trách nhiệm với xã hội, học sinh được quyết định tương lai phù hợp với tính cách, xu hướng cá nhân, tiếp tục tăng cường giáo dục về học vấn phổ thông, trang bị các kiến thức, công nghệ, kĩ năng cần thiết. Đồng thời, học sinh cũng được giáo dục về sự nỗ lực xác lập tính cách, đồng thời nuôi dưỡng năng lực tư duy phê phán và trang bị các kiến thức sâu rộng, nuôi dưỡng thái độ đúng đắn trong việc đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

2. Chuẩn

Chương trình học tập và giảng dạy quy định những chuẩn kĩ năng cho từng môn học cụ thể và hoạt động cụ thể. Chuẩn trong chương trình học tập giảng dạy ở từng cấp học Nhật Bản được xem là đồng nhất với mục tiêu giáo dục ở từng cấp học cụ thể, được thể hiện cụ thể trong mục tiêu, nội dung từng môn học và hoạt động cụ thể ở từng môn học và hoạt động cụ thể ở từng lớp học cụ thể.

Nhật Bản xem xét chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục nhà trường sửa đổi - 2009 với các mục tiêu giáo dục cụ thể như chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ của học sinh, là những yếu tố có liên quan chặt chẽ đến việc hình thành năng lực của người học. Chuẩn trong giáo dục phổ thông Nhật Bản tương đương với chuẩn đầu ra.

Như đã biết, chương trình học tập và giảng dạy ở từng cấp nhấn mạnh những chuẩn chung cơ bản mà mỗi môn học, lớp học cần đạt, đồng thời củng cố hướng mở để các địa phương và nhà trường xác định, xây dựng chuẩn riêng cho phù hợp với yêu cầu ở địa phương.

Chuẩn chung cơ bản ở mỗi cấp học được trình bày trong phần mục tiêu ở trên. Chuẩn chung cơ bản của một môn học được minh họa trong phần III khi giới thiệu về Chương trình môn Xã hội.

Chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực các môn học thuộc chương trình giáo dục phổ cập (cấp Tiểu học và trung học cơ sở) được thể hiện ở từng môn học cụ thể:

- Đối với môn Quốc ngữ yêu cầu về chuẩn gồm mỗi quan tâm, ý thức, thái độ đối với quốc ngữ; năng lực nghe nói; năng lực đọc; năng lực viết; kiến thức – Hiểu biết; kỹ năng về ngôn ngữ.

- Đối với môn khoa học xã hội yêu cầu chuẩn gồm: mỗi quan tâm - Ý thức - Thái độ đối với các sự kiện, hiện tượng xã hội; tư duy - Phán đoán – Biểu đạt xã hội; kỹ năng quan sát, sử dụng tài liệu (Kỹ năng sử dụng tài liệu); kiến thức - Hiểu biết về các sự kiện, hiện tượng xã hội.

- Đối với môn toán học yêu cầu chuẩn gồm: mỗi quan tâm - Ý thức - Thái độ đối với toán học (số học); cách tư duy toán học (Cách nhìn nhận và tư duy số học); kỹ năng liên quan đến số lượng và hình dạng (Kỹ năng liên quan đến số học); kiến thức - hiểu biết về số lượng và hình dạng.

- Môn khoa học tự nhiên yêu cầu chuẩn gồm mỗi quan tâm - Ý thức - Thái độ đối với các sự kiện, hiện tượng tự nhiên; tư duy - Diễn đạt khoa học; kỹ năng quan sát, thực nghiệm; kiến thức – Hiểu biết các sự kiện, hiện tượng tự nhiên.

- Môn Cuộc sống (*Không có trong chương trình trung học cơ sở) yêu cầu chuẩn gồm mỗi quan tâm - Ý thức - Thái độ đối với cuộc sống; tư duy - Biểu đạt hoạt động và trải nghiệm; nhận biết về môi trường xung quanh và bản thân.

- Môn Âm nhạc yêu cầu chuẩn gồm mỗi quan tâm - Ý thức - Thái độ đối với âm nhạc; sự khéo léo trong các sản phẩm âm nhạc; kỹ năng biểu diễn âm nhạc; năng lực cảm thụ.

- Môn Mỹ thuật yêu cầu chuẩn gồm mỗi quan tâm - Ý thức - Thái độ đối với các mô hình (mỹ thuật); năng lực tưởng tượng và khởi xướng; kỹ năng sáng tạo; năng lực cảm thụ.

- Môn công nghệ - gia đình yêu cầu chuẩn gồm mỗi quan tâm - Ý thức - Thái độ đối với cuộc sống gia đình (cuộc sống và công nghệ); năng lực sinh hoạt khéo léo; kỹ năng cuộc sống; kiến thức – **Hiểu biết về cuộc sống gia đình (cuộc sống và công nghệ).**

- Môn sức khỏe – thể dục yêu cầu chuẩn gồm mỗi quan tâm - Ý thức - Thái độ đối với sự vận động, sức khỏe, sự an toàn; tư duy - Phán đoán vận động, sức khỏe, sự an toàn; kỹ năng vận động; kiến thức – hiểu biết về sức khỏe, sự an toàn.

- Môn ngoại ngữ yêu cầu chuẩn gồm mỗi quan tâm - Ý thức - Thái độ đối với giao tiếp; năng lực biểu đạt ngoại ngữ; năng lực hiểu ngoại ngữ; kiến thức - Hiểu biết về ngôn ngữ, văn hoá.

Chương trình học tập và giảng dạy ở mỗi cấp học đều bao gồm 2 phần chính: (1) Chương trình giáo khoa (mục tiêu, nội dung các môn học) - chương trình môn học và (2) Các hoạt động ngoài môn học (các hoạt động giáo dục chuyên biệt). Tùy vào mỗi nhà trường, nội dung chương trình giáo dục có thể khác nhau nhưng về cơ bản phải có 6 phần: Nguyên tắc chung, Nội dung các môn học, giờ học chuyên biệt/đạo đức (đối với cấp Tiểu học và trung học cơ sở), hoạt động ngoại ngữ (trường tiểu học), Giờ học tập tổng hợp, các hoạt động chuyên biệt. **Chương trình giáo dục phổ thông không chỉ bao gồm chương trình học tập của học sinh mà cả các điều kiện giáo dục liên quan đến vai trò, vị trí của người giáo viên¹.**

Đạo đức được xem là hoạt động, không phải là môn học, được thực hiện trong cả năm học (35 tuần) thông qua các môn học khác, các hoạt động liên quan đến ngoại ngữ, giờ học tập tổng hợp, các hoạt động chuyên biệt ở cấp Tiểu học và trung học cơ sở. Ở cấp trung học phổ thông, hoạt động đạo đức được thể

¹ Xem thêm Bảng 1, phần phụ lục

hiện chủ yếu trong môn Công dân, hoạt động chuyên biệt và được thực hiện thông qua tất cả các hoạt động khác trong nhà trường.

Hoạt động đạo đức xoay quanh 4 chuẩn nội dung, kỹ năng/năng lực: liên quan đến bản thân, liên quan đến mọi người xung quanh, liên quan đến tự nhiên và sự siêu phàm, liên quan đến đoàn thể, xã hội.

Môn Tiếng Anh hiện là môn học bắt buộc ở cấp trung học cơ sở.

Giờ học tập tổng hợp là thời gian dành cho học sinh tự chủ tiến hành học tập theo các vấn đề mang tính phổ quát, có thể tích hợp nội dung của các môn học hay hoạt động chuyên biệt trong nhà trường. Từ cấp Tiểu học lên trung học phổ thông đều có thời lượng của giờ học tổng hợp nhưng ở cấp trung học phổ thông, giờ học này được thay thế bởi các giờ khoa học thông tin hay khoa học phức lợi. Đồng thời nội dung sách giáo khoa sẽ được giảm tải, giảm các hoạt động câu lạc bộ ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. Thông qua giờ học tập tổng hợp, học sinh có năng lực tư duy về cuộc sống, thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân, có ý thức trách nhiệm để giải quyết các vấn đề nảy sinh một cách chủ động, sáng tạo và mang tính hợp tác. Giờ học tập tổng hợp thực hiện thông qua các chủ đề có tính tích hợp tương ứng với các vấn đề xã hội, các vấn đề học sinh quan tâm, các vấn đề đặc trưng của nhà trường và địa phương.

Môn học do mỗi trường quy định: Là môn học có tính chất đặc sắc của chương trình giáo dục cấp trung học phổ thông, đáp ứng đặc điểm, trạng thái của học sinh, của nhà trường ở mỗi địa phương. Tên gọi cụ thể của môn học, mục tiêu, nội dung, số tín chỉ là do mỗi trường tự quyết định dựa trên nguyên tắc duy trì chuẩn và mục đích giáo dục trung học phổ thông. Bộ Giáo dục gợi ý các trường có thể lựa chọn môn "Xã hội công nghiệp và Con người".

Để hình thành ở học sinh phương pháp tự tồn tại trong xã hội công nghiệp, đóng góp tích cực cho xã hội, nuôi dưỡng thái độ và mong muốn học tập suốt đời, nhằm tăng tính chủ động cho học sinh, môn học này nhằm:

- Nuôi dưỡng năng lực, thái độ cơ bản, cần thiết cho cuộc sống xã hội và cuộc sống công nghiệp, quan điểm lao động, quan điểm nghề nghiệp.

- Tham khảo, lưu ý đến sự thay đổi của xã hội trong tiến trình phát triển công nghiệp của đất nước.

- Sáng tạo các chủ đề về cuộc sống và sự nghiệp tương lai của bản thân.

3. Kế hoạch giáo dục

Kế hoạch giáo dục ở mỗi cấp học khác nhau được quy định khác nhau.

Kế hoạch giáo dục cấp tiểu học được tổ chức trong 6 năm. Lớp 1 có 34 tuần học, từ lớp 2 đến lớp 6, số ngày học trong tuần là 5 ngày, mỗi ngày học 2 buổi.

Tổng số đơn vị giờ học² cho mỗi môn học ở mỗi năm được quy định cụ thể tùy theo chương trình của từng môn học³. Các hoạt động chuyên biệt nằm trong các hoạt động trong lớp học chính khoá được quy định rõ trong Chương trình học tập và giảng dạy ở trường tiểu học (không bao gồm giờ ăn trưa).

Với những nhà trường có giờ học về tôn giáo, có thể thay đổi một phần thời lượng giờ đạo đức. Các môn học được phân bố đều đặn thành từng tiết học trong mỗi tuần học, kéo dài trong 35 tuần đối với các lớp 2 đến lớp 6, 34 tuần đối với lớp 1. Đối với các hoạt động của hội học sinh và sự kiện nhà trường, giờ học có thể phân bố đều trong năm học hoặc theo học kì, hoặc theo tháng. Tùy vào thực trạng trạng thái của học sinh, của nhà trường và địa phương, giờ học được điều chỉnh cho thích hợp. Mỗi ngày học ở trường tiểu học kéo dài từ 5 đến 6 tiếng.

Đối với kế hoạch giáo dục trung học cơ sở, Luật Giáo dục nhà trường sửa đổi, 2009 quy định chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở được tổ chức trong 3 năm. Mỗi năm học ở cấp trung học cơ sở kéo dài trong 35 tuần. Tổng số đơn vị giờ học⁴ cho mỗi môn học ở mỗi năm được quy định cụ thể cho từng môn⁵.

Môn Xã hội được tổ chức thành các lĩnh vực: Địa lí, Lịch sử và Công dân . (Lĩnh vực Lịch sử, Địa lí học từ năm 1, đến năm 2: thêm nội dung Địa lí (bản đồ) và năm 3: thêm lĩnh vực Công dân).

Các môn học được phân bố đều đặn thành từng tiết học trong mỗi tuần, kéo dài trong 35 tuần. Đối với các hoạt động của hội học sinh và sự kiện nhà trường, giờ học có thể phân bố đều trong năm học hoặc theo học kì, hoặc theo tháng. Tùy vào thực trạng trạng thái của học sinh, của nhà trường và địa phương, giờ học được điều chỉnh cho thích hợp. Một ngày học của học sinh trung học cơ sở kéo dài từ 5 đến 7 tiếng.

Kế hoạch giảng dạy cụ thể cần được nhà trường xây dựng một cách khéo léo, hài hoà, phải lưu ý các điểm sau:

- Xác định mối liên hệ giữa các môn học, nội dung học tập, giảng dạy đảm bảo tính phát triển và hệ thống.

² Xem Bảng số 2, phần phụ lục

³ Một đơn vị giờ học kéo dài trong 45 phút

⁴ Một đơn vị giờ học kéo dài trong 50 phút

⁵ Xem Bảng số 3, phần phụ lục

- Về nội dung giảng dạy ở mỗi môn học, mỗi phân học trong mỗi năm cần điều chỉnh cách tổng hợp các nội dung, cách nhấn mạnh các nội dung trọng tâm để giảng dạy hiệu quả.

- Việc giảng dạy vừa chú trọng tới các hoạt động học tập phát triển năng lực người học trên cơ sở trang bị các kiến thức, kỹ năng cơ bản, cơ sở, vừa khắc sâu mối quan tâm và khả năng hiểu ngôn ngữ, chuẩn bị môi trường ngôn ngữ cần thiết để phát triển năng lực ngôn ngữ, làm phong phú các hoạt động ngôn ngữ của học sinh.

- Vừa trọng dụng việc học tập có tính giải quyết vấn đề dựa trên kiến thức, kỹ năng cơ bản, cơ sở, các kinh nghiệm học tập thực tế, việc giảng dạy vừa phải được chuẩn bị công phu để hỗ trợ hoạt động học tập tự chủ, tự giác, tận dụng sự quan tâm, sở thích của học sinh.

- Vừa hiểu học sinh và giáo viên vừa phải xây dựng mối quan hệ, sự tin tưởng lẫn nhau giữa học sinh và giáo viên, thực hiện hướng dẫn học sinh để học sinh tự chủ phán đoán, kích hoạt được sự tự chủ tích cực trong các hoạt động.

- Để học sinh có thể tư duy về cách tồn tại của bản thân, có thể chủ động lựa chọn cuộc sống, cần thực hiện hướng dẫn các con đường học tập một cách tự chủ, có kế hoạch, có tổ chức, thông qua tổng thể các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Để học sinh vừa thích ứng tốt hơn với cuộc sống trong nhà trường, trong lớp học, vừa nuôi dưỡng được năng lực, thái độ hành động, suy nghĩ về cuộc sống hiện tại và tương lai, cần thực hiện chức năng hướng dẫn (guidance) thông qua toàn bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Thông qua giảng dạy các giờ học, giáo viên lên kế hoạch hoạt động khác sâu học tập, hình thành phương pháp học tập ở học sinh.

- Tuỳ vào khả năng, trạng thái của học sinh, của nhà trường, việc giảng dạy được thực hiện theo nhiều hình thức, bao gồm cả hình thức cá nhân, hình thức nhóm.

- Học sinh khuyết tật hoặc học tập hỗ trợ tại các trường giáo dục hỗ trợ đặc biệt hoặc tại phòng hỗ trợ giáo dục đặc biệt trong trường, được học tập theo phương pháp, nội dung đã điều chỉnh dựa trên kế hoạch giáo dục cá nhân dưới sự hợp tác, liên kết của các cơ quan có liên quan gồm nhà trường, gia đình, cơ sở y tế, phúc lợi xã hội.

- Học sinh nước ngoài được học cách thích ứng với cuộc sống nhà trường, các kinh nghiệm sống đã có tại nước ngoài được tận dụng linh hoạt trong học tập.

- Thực hiện các hoạt động giáo dục kích thích sự tích cực, chủ động trong việc khai thác thông tin công nghệ, máy tính, mạng internet, tận dụng thích hợp các máy móc, chức năng, phương tiện nghe nhìn thành đồ dùng dạy học hiệu quả.

- Khai thác các chức năng của thư viện nhà trường trong các hoạt động đọc viết, hoạt động học tập một cách chủ động, có ý thức.

- Vừa đánh giá một cách tích cực các điểm mạnh, trạng thái tiến bộ của học sinh vừa đánh giá quá trình và thành quả học tập, từ đó cải tiến phương pháp giảng dạy của giáo viên.

Lưu ý xây dựng mối liên hệ giữa nhà trường với gia đình, các tổ chức đoàn thể giáo dục xã hội, cơ quan giáo dục tại địa phương, phát huy sự hợp tác của từng địa phương, nâng cao ý thức học tập, cảm giác trách nhiệm, cảm giác hợp tác cho học sinh trong các hoạt động văn hoá, thể thao trong nhà trường và tại địa phương.

Đối với kế hoạch giáo dục cấp Trung học phổ thông, theo điều 63 Luật Giáo dục nhà trường sửa đổi năm 2009, các môn học ở trường phổ thông được tổ chức theo các tiết học để lấy tín chỉ.

Môn học do mỗi trường quy định có thể tổ chức từ 2 đến 4 tín, chỉ có thể học trong 1 kì (kì đầu năm, kì cuối năm hoặc kì cuối năm) hoặc trải dài trong 1 năm học.

Chương trình giáo dục trung học phổ thông kéo dài 3 năm. Một tín chỉ gồm 35 đơn vị giờ học, mỗi đơn vị giờ học kéo dài 50 phút. Trong một tuần, số đơn vị giờ học tối thiểu là 30, có thể tăng lên khi cần thiết.

Một năm học cấp Trung học phổ thông kéo dài trong 35 tuần. Các môn học có thể thực hiện trải dài trong năm học hoặc trong kì học (có thể diễn ra cả trong những ngày nghỉ trong kì mùa hè, kì mùa đông, kì cuối năm hoặc trong các ngày nghỉ định kì trong năm). Một ngày học của học sinh trung học phổ thông bắt đầu từ 8 giờ sáng đến khoảng 4 rưỡi chiều, kéo dài từ 5 đến 8 tiếng (chương trình học cả ngày).

Chương trình có quy định cụ thể cho phép cắt giảm một phần tín chỉ ở một số môn học có số tín chỉ nhiều hơn 2 với những trường hợp đặc biệt, để phù hợp với thực trạng trạng thái của học sinh (Ví dụ: Môn Quốc ngữ tổng hợp có thể cắt giảm xuống 2 hoặc 3 tín chỉ, môn Toán học I và Tiếng Anh giao tiếp I có thể cắt giảm xuống thành 2 tín chỉ, giờ học tập tổng hợp có thể cắt giảm xuống còn 2 tín chỉ). Đối với các môn học liên quan đến Giáo dục nghề nghiệp, nhà trường tổ chức thành các khoá học có liên quan đến môn học, có thể đưa thành

các khoá học Nghiên cứu vấn đề trong Giờ học tập tổng hợp. Sự cắt giảm phải đảm bảo số tín chỉ tối thiểu đạt 25 tín chỉ trong 1 năm.

Ngoài hình thức học tập ở trường, còn có hình thức học tập từ xa.

Học sinh được chủ động lựa chọn môn học và các khoá học. Trên cơ sở các môn học, khoá học được Học sinh lựa chọn, nhà trường chủ động xây dựng các nhóm môn học để học sinh tự do lựa chọn.

Giáo viên phụ trách môn học có trách nhiệm quyết định nội dung giảng dạy, nắm bắt và sử dụng các kết quả dạy học, số lượng giờ học cụ thể đối với từng môn học và phải đảm bảo không xa rời mục tiêu giáo dục, không quá tải với học sinh.

Trình tự tổ chức các môn học cũng do nhà trường sắp xếp. Khi xây dựng kế hoạch giảng dạy cụ thể, những điểm sau đây cần được lưu ý:

- Xác định mối liên hệ giữa các môn học, nội dung học tập, giảng dạy đảm bảo tính phát triển và hệ thống.

- Về nội dung giảng dạy các môn học, cần điều chỉnh phù hợp cách tổng hợp các nội dung, cách nhấn mạnh các nội dung trọng tâm để giảng dạy hiệu quả.

- Cần điều chỉnh nội dung giảng dạy phù hợp với trạng thái của nhà trường và học sinh. Cần nắm bắt mức độ nội dung học tập học sinh đã đạt được trong chương trình phổ cập, từ đó xây dựng mục tiêu học tập phù hợp giúp học sinh lĩnh hội đầy đủ các nội dung học tập bắt buộc trong chương trình, đồng thời tăng thêm, bổ sung thêm số tín chỉ (trong chuẩn cho phép) để tăng cơ hội học tập cho học sinh. Giáo viên toàn trường cùng tham gia xây dựng kế hoạch và thực hiện giáo dục đạo đức.

- Đối với giáo dục nghề nghiệp, nhà trường cần xây dựng và đảm bảo các cơ hội học trong các khoá học liên quan đến nghề nghiệp phù hợp với trạng thái của nhà trường, địa phương, đặc điểm, xu hướng của học sinh. Cần đảm bảo đầy đủ số giờ thực hành, trải nghiệm mà nhà trường đã quy định. Lựa chọn các nội dung quan trọng, trọng tâm, cơ bản, liên quan trực tiếp ở mỗi lĩnh vực nghề nghiệp. Nhà trường cần liên kết với địa phương, các tổ chức sản xuất tại địa phương trên cơ sở tìm hiểu cẩn thận về tình hình địa phương, hợp tác với địa phương, các cơ sở sản xuất để xây dựng cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp một cách tích cực, thực hành nghề trong thời gian dài ở các cơ sở.

Phương pháp giảng dạy, học tập tổ chức theo các câu lạc bộ gia đình, câu lạc bộ cơ sở sản xuất và nhà trường, các dự án tại nhà (home-project).

4. Vấn đề tích hợp và phân hoá

Chương trình giáo dục phổ thông Nhật Bản từ những năm 1951 (MEXT, 1951) đã đưa ra quan điểm xây dựng chương trình theo hướng chú trọng hình thành năng lực và kinh nghiệm của người học, do đó việc xây dựng chương trình có tính tổng hợp và phân hoá đã được chú ý đến.

Để đảm bảo dạy học phù hợp với trạng thái và sự phát triển của học sinh, các nội dung học tập được tổ chức theo hình thức tổng hợp (intergration) hoặc phân hoá. Chẳng hạn, với các học sinh nhỏ tuổi (cấp Tiểu học, đặc biệt là các lớp 1, 2) chưa đủ năng lực học tập theo các môn học chuyên sâu, riêng biệt, các nội dung học tập được thiết lập theo hình thức tổng hợp nhiều lĩnh vực rộng, ở mức độ phù hợp với năng lực của học sinh nhỏ tuổi. Ngược lại, với HS lớn (đặc biệt là cấp trung học phổ thông), các năng lực nhận thức đã phát triển tốt, học sinh sẽ được học theo từng môn học độc lập đã phân chia các nội dung chủ đề (phân hoá nội dung). Việc học tập theo hướng tổng hợp như vậy nhằm tăng cường các kinh nghiệm học tập cho học sinh (MEXT, 1951).

Đến nay, tinh thần xây dựng chương trình này vẫn được chú trọng. Một số môn học trong Chương trình giáo dục cấp Tiểu học và trung học phổ thông được xem là chương trình theo hướng giáo khoa khi phân chia thành các môn học (Quốc ngữ, Toán học..) tuy nhiên, một số môn học như Tự nhiên, Cuộc sống, Xã hội được xây dựng theo hướng chương trình tổng hợp ở Tiểu học và phân hoá ở cấp trung học phổ thông trở đi (môn Xã hội ở Tiểu học được chia thành 3 môn Địa lí, Lịch sử, Công dân ở trung học cơ sở, môn Tự nhiên được chia thành 4 môn: Vật lí, Hoá học, Sinh học và Nghiên cứu địa cầu).

5. Vấn đề đánh giá, thi cử

Việc đánh giá trong giáo dục phổ thông phải gắn liền với mục tiêu giáo dục trong Chương trình học tập và giảng dạy. Nội dung đánh giá bao gồm các mặt: "Kiến thức - Hiểu, Kỹ năng - Biểu đạt", "Tư duy - Phán đoán" và "Sự quan tâm - Ý thức - Thái độ" ở từng môn học và các hoạt động học tập, ở các mức độ "Hoàn thành" và cao nhất là "Thoả mãn hoàn toàn" mà không tính điểm.

Quan điểm đánh giá là xác định các điểm mạnh, trạng thái tiến bộ của mỗi cá nhân và năng lực đối ứng trong các hoạt động đoàn thể (MEXT, 2010).

Việc đánh giá thực hiện theo quy trình PDCA, trong đó p = Plan: Lên kế hoạch, D - Do: Thực hiện, C = Check: Kiểm tra, A = Action: Hành động (MEXT, 2010). Mỗi trường có một quy định và bảng đánh giá riêng được nhà trường thông qua. Phương pháp đánh giá có sự khác nhau tùy mỗi giáo viên, gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng hợp. Đánh giá thường xuyên thực

hiện hằng ngày bằng các nhận xét, thực hiện theo các bài kiểm tra nhỏ dựa trên các đơn vị nội dung của sách giáo khoa và đánh giá thái độ học tập hằng ngày. Việc đánh giá không chỉ thực hiện trong giờ học hằng ngày, qua các đơn vị bài học mà qua quá trình tham gia tổng thể vào các hoạt động học tập trong nhà trường. Việc đánh giá thông qua quá trình tham gia, sự thể hiện ở hành vi, thái độ, các sản phẩm hoạt động (bao gồm cả các bản ghi chép) của học sinh.

Ở cấp trung học phổ thông, việc đánh giá nhằm xác định việc đạt/không đạt tín chỉ và xác định tốt nghiệp.

Kết quả thực hiện các khoá học trong mỗi môn học, trong Giờ học tập tổng hợp thực hiện theo kế hoạch do nhà trường xây dựng được dùng để xác định đạt tín chỉ trên cơ sở xem xét với mục đích giáo dục ở mỗi môn học, Giờ học tập tổng hợp.

Đối với một môn học nào đó hoặc Giờ học tập tổng hợp nào đó chia thành nhiều phần và học ở 2 năm liên tiếp trở lên, việc đạt tín chỉ sẽ được tính theo học kì.

Việc xét tốt nghiệp Chương trình giáo dục phổ thông ở mỗi lớp dựa trên tổng số tín chỉ đã đạt được và thành tích của các hoạt động đặc biệt, do hiệu trưởng nhà trường xem xét dựa trên mục tiêu giáo dục. Cho đến lúc tốt nghiệp, tổng số tín chỉ tối thiểu phải đạt được trong năm là 74 tín chỉ, trong đó tổng số tín chỉ của môn học do nhà trường quy định hoặc của các khoá học thuộc môn học này không được vượt quá 20 tín chỉ (MEXT, 2009).

Đối với hình thức học tập từ xa, để đảm bảo đạt tín chỉ, học sinh phải thực hiện các bài kiểm tra tự luận và số giờ học trực tiếp theo quy định của Bộ Giáo dục.

TTBD ĐBDC



Phần Phụ lục

Bảng 1. Môn học và hoạt động giáo dục trong Chương trình GDPT

Cấp học	Môn học (giáo khoa)	Hoạt động giáo dục ngoài môn học
Tiểu học	Quốc ngữ, Xã hội, Toán, Tự nhiên, Cuộc sống, Âm nhạc, Chế tạo thủ công, Gia đình, Thể dục	<ul style="list-style-type: none"> - Đạo đức - Ngoại ngữ - Hoạt động chuyên biệt (hoạt động lớp học, hoạt động hội của trẻ em, hoạt động CLB, sự kiện nhà trường) - Giờ học tập tổng hợp
THCS	<p>Bắt buộc: Quốc ngữ, Xã hội, Số học, Tự nhiên, Âm nhạc, Mĩ thuật, Giáo dục sức khỏe, Công nghệ - Gia đình, Ngoại ngữ.</p> <p>Lựa chọn: Quốc ngữ, Xã hội, Số học, Tự nhiên, Âm nhạc, Mĩ thuật, Giáo dục sức khỏe, Thể dục, Công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia đình, Ngoại ngữ và các môn đặc biệt cần thiết khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đạo đức - Hoạt động chuyên biệt (hoạt động lớp, hoạt động hội học sinh, sự kiện nhà trường) - Giờ học tập tổng hợp
THPT	<p>Môn học liên quan đến khoa giáo phổ thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quốc ngữ: Quốc ngữ tổng hợp, Biểu hiện quốc ngữ, Văn hoá hiện đại A, Văn hoá hiện đại B, Cổ điển A, Cổ điển B - Địa lí - Lịch sử: Lịch sử thế giới A, Lịch sử thế giới B, Lịch sử Nhật Bản A, Lịch sử Nhật Bản B, Địa lí A, Địa lí B. - Công dân: Xã hội hiện đại, Luân lí, Chính trị - Kinh tế - Toán số: Toán học I, Toán học II, Toán học 	<ul style="list-style-type: none"> - HĐ chuyên biệt (Hoạt động tại nhà/ home-room, hoạt động của hội HS, sự kiện nhà trường) - Giờ học tập tổng hợp

	<p>III, Số học A, Số học B, Toán học ứng dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự nhiên: Khoa học và cuộc sống con người, Vật lí cơ sở, Vật lí, Hoá học cơ sở, Hoá học, Sinh vật cơ sở, Sinh vật, Địa lí cơ sở, Địa lí, Nghiên cứu vấn đề tự nhiên. - Giáo dục sức khoẻ: Thể dục, Sức khoẻ - Công nghệ: Âm nhạc I, Âm nhạc II, Âm nhạc III, Mĩ thuật I, Mĩ thuật II, Mĩ thuật III, Công nghệ I, Công nghệ II, Công nghệ III, Thư pháp I, Thư pháp II, Thư pháp III. - Ngoại ngữ: Tiếng Anh giao tiếp cơ sở, Tiếng Anh giao tiếp I, Tiếng Anh giao tiếp II, Tiếng Anh I, Tiếng Anh giao tiếp III, Tiếng Anh biểu đạt I, Tiếng Anh biểu đạt II, Tiếng Anh hội thoại. - Gia đình: Cơ sở gia đình, Gia đình tổng hợp, Thiết kế sinh hoạt - Thông tin: Xã hội và Thông tin, Khoa học thông tin Môn học do mỗi trường quy định 	
	<p>Môn học liên quan đến giáo dục nghề nghiệp:</p> <p>Nông nghiệp, Công nghiệp, Thương nghiệp, Thủy sản, Gia đình, Điều dưỡng, Thông tin, Phúc lợi, Toán - Lí, Thể dục, Âm nhạc, Mĩ thuật, Ngoại ngữ.</p>	

TTBD ĐBDC

Bảng 2. Kế hoạch thời gian học tập/hoạt động của cấp Tiểu học

Môn học/hoạt động và số đơn vị giờ học trong năm		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6
Các môn học giáo khoa	Quốc ngữ	306	315	245	245	175	175
	Xã hội			70	90	100	105
	Toán học	136	175	175	175	175	175
	Tự nhiên			90	105	105	105
	Cuộc sống	102	105				

	Âm nhạc	68	70	60	60	50	50
	Thủ công	68	70	60	60	50	50
	Gia đình					60	55
	Thể dục	102	105	105	105	90	90
Đạo đức		34	35	35	35	35	35
Ngoại ngữ						35	35
Giờ học tập tổng hợp				70	70	70	70
Hoạt động chuyên biệt		34	35	35	35	35	35
Tổng		850	910	945	980	980	980

Bảng 3. Kế hoạch thời gian học tập/ hoạt động của cấp THCS (MEXT, 2008a)

Môn học/hoạt động và số giờ học/năm		Năm 1	Năm 2	Năm 3
Các môn học giáo khoa	Quốc ngữ	140	140	105
	Xã hội	106	105	140
	Toán học	140	105	140
	Tự nhiên	105	140	140
	Âm nhạc	45	35	35
	Mĩ thuật	45	35	35
	Giáo dục sức khỏe	105	105	105
	Công nghệ - Gia đình	70	70	35
	Ngoại ngữ	140	140	140
Đạo đức		35	35	35
Giờ học tập tổng hợp		50	70	70
Hoạt động chuyên biệt		35	35	35
Tổng		1015	1015	1015

Bảng 4. Kế hoạch thời gian học tập/hoạt động của cấp THPT (MEXT, 2009)

Môn học	Nội dung	Số tín chỉ tiêu chuẩn	Môn học	Nội dung	Số tín chỉ tiêu chuẩn
---------	----------	-----------------------	---------	----------	-----------------------

Quốc ngữ	Quốc ngữ tổng hợp	4	Giáo dục sức khoẻ	Thể dục	7~8
	Biểu hiện quốc ngữ	3		Sức khoẻ	2
	Văn hoá hiện đại A	2	Công nghệ	Âm nhạc I	2
	Văn hoá hiện đại B	4		Âm nhạc II	2
	Cổ điển A	2		Âm nhạc III	2
	Cổ điển B	4		Mĩ thuật I	2
Địa lí	Lịch sử thế giới	Lịch sử thế giới A	2	Mĩ thuật II	2
		Lịch sử thế giới B	4	Mĩ thuật III	2
	Lịch sử Nhật Bản	Lịch sử Nhật Bản A	2	Công nghệ I	2
		Lịch sử Nhật Bản B	4	Công nghệ II	2
		Địa lý A	2	Công nghệ III	2
		Địa lý B	4	Thư pháp I	2
Công dân	Xã hội hiện đại	2	Ngoại ngữ	Thư pháp II	2
	Luân lí	2		Thư pháp III	2
	Chính trị - Kinh tế	2		Tiếng Anh giao tiếp cơ sở	2
Toán số	Toán học I	3	Tiếng Anh giao tiếp I	3	
	Toán học II	4	Tiếng Anh giao tiếp II	4	
	Toán học III	5	Tiếng Anh giao tiếp III	4	
	Số học A	2	Tiếng Anh biểu đạt I	2	
	Số học B	2	Tiếng Anh biểu đạt II	4	
	Toán học ứng dụng	2	Tiếng Anh hội thoại	2	
	Tự nhiên	Khoa học và cuộc sống con người	2	Gia đình	Cơ sở gia đình
Vật lí cơ sở		2	Gia đình tổng hợp		4
Vật lí		4	Thiết kế sinh hoạt		4
Hoá học cơ sở		2	Thông tin	Xã hội và Thông tin	2
Hoá học	4	Khoa học và Thông tin		2	

Sinh học cơ sở	2	Giờ học tập tổng hợp	3~6
Sinh vật	4		
Địa lí cơ sở	2		
Địa lí	4		
Nghiên cứu vấn đề tự nhiên	1		



TTBD ĐBDC

